

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2025/DS-ST

Ngày: 28/8/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Cần

Ông Tống Văn Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Anh Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 197/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2025/QĐST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Nhật T, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre (Nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long); địa chỉ tạm trú: Nhà đất ông Huỳnh Thanh P, tổ A, khu phố P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH T1; địa chỉ: Lô S, đường số A khu phố G, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nghiêm Thị L – Chức vụ Giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện ngày 24/3/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – ông Nguyễn Nhật T trình bày:

Ngày 01/12/2023, ông T và Công ty TNHH T1 (Sau đây gọi tắt là Công ty T1) do bà Nghiêm Thị L là Giám đốc ký kết Hợp đồng giao khoán phần kèo thép số 2911/HĐKT/2023. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thì Công ty T1 đồng ý giao cho ông T thi công “Kèo thép” công trình xây dựng CLB BILLARDS với giá 400.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận Công ty T1 phải thanh toán cho ông T tổng cộng bốn đợt gồm:

- Đợt 1: Sau khi hai bên ký hợp đồng Công ty T1 cho ông T tạm ứng số tiền 80.000.000 đồng.
- Đợt 2: Sau khi toàn bộ kèo thép được đưa đến tại chân công trình, Công ty T1 thanh toán cho ông T số tiền 200.000.000 đồng.
- Đợt 3: Sau khi thi công hoàn thiện phần kèo, lợp mái xong, Công ty T1 thanh toán cho ông T số tiền 110.000.000 đồng.
- Đợt 4: Bảo hành trong thời gian 06 tháng kể từ ngày nghiệm thu bàn giao. Công ty T1 thanh toán cho ông T còn lại tương đương số tiền 10.000.000 đồng.

Tính đến khi hoàn thành công việc thì Công ty T1 chỉ mới thanh toán cho ông T số tiền đợt 1 và đợt 2 là 280.000.000 đồng. Căn cứ vào điểm 4.3 Điều 4 Hợp đồng giao khoán kèo thép số 2911/HĐKT/2023 ngày 01/12/2023 thì khi ông T đã thi công hoàn thiện phần kèo, lợp mái xong thì Công ty T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền 110.000.000 đồng (Riêng đối với số tiền 10.000.000 đồng do cần trừ vào các khoản chi phí khác nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết). Đến nay, sau khi ông T đã thi công hoàn thiện phần kèo, lợp mái nhưng Công ty T1 vẫn chưa thanh toán cho ông T số tiền đã ghi trong hợp đồng. Ông T nhiều lần liên hệ nhưng Công ty T1 không có phản hồi.

Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền 110.000.000 đồng.

Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Việc vắng mặt của bị đơn: Bị đơn đã được triệu tập họp lệ tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[2] Theo thỏa thuận tại Hợp đồng giao khoán kéo thép số 2911/HĐKT/2023 ngày 01/12/2023 thì ông T nhận thi công công trình với tổng số tiền là 400.000.000 đồng, công việc thi công đã hoàn tất và bàn giao lại cho Công ty T1. Công ty T1 chỉ mới thanh toán số tiền 280.000.000 đồng, còn lại số tiền 120.000.000 đồng chưa thanh toán. Do đó ông T yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền 110.000.000 đồng.

[3] Tại trang 55 và 56 của Vi bằng số 228/2025/VB-TPL ngày 25/8/2025 thể hiện phía Công ty T1 đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án triệu tập đến Tòa án để giải quyết tranh chấp nhưng vẫn cố tình không đến và không cung cấp lời khai về vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng giao khoán phần kéo thép số 2911/HĐKT/2023 ngày 01/12/2023 và Vi bằng số 228/2025/VB-TPL ngày 25/8/2025 để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[4] Khi thực hiện Hợp đồng giao khoán phần kéo thép số 2911/HĐKT/2023 ngày 01/12/2023, người đứng tên chủ tài khoản 109869099415 tại Ngân hàng C là Nghiêm Thị L chuyển đến tài khoản của ông Nguyễn Nhật T số tài khoản 0281000558297 tại Ngân hàng N VCB bốn lần với tổng số tiền là 280.000.000 đồng. Cụ thể: Lần 1, ngày 04/12/2023 chuyển 70.000.000 đồng; Lần 2, ngày 11/12/2023 chuyển 10.000.000 đồng; Lần 3 ngày 25/12/2023 chuyển 15.000.000 đồng; Lần 4 ngày 26/12/2023 chuyển 185.000.000 đồng (Thể hiện tại Vi bằng số 228/2025/VB-TPL ngày 25/8/2025). Sau đó, Công ty T1 không thanh toán nữa.

Theo thỏa thuận tại Hợp đồng giao khoán phần kéo thép số 2911/HĐKT/2023 ngày 01/12/2023 giá trị hợp đồng là 400.000.000 đồng. Công ty T1 đã thanh toán số tiền 280.000.000 đồng, còn lại 120.000.000 đồng chưa thanh toán. Ông Tân trừ số tiền đã tạm ứng trong quá trình thi công là 10.000.000 đồng và yêu cầu Công ty T1 thanh toán số tiền 110.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông Tân buộc Công ty T1 thanh toán số tiền 110.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 39, 147, 217, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại Tòa án; các Điều 514, 515, 518 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Nhật T số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH T1 phải chịu án phí sơ thẩm là 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng.

Trả lại cho ông Nguyễn Nhật T số tiền 2.750.000 (Hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002533 ngày 25/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh)

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh
- VKSND Khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh (để thi hành án);
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc